**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN LỚP 6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

**Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com**

**https://www.vnteach.com**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện dân gian (truyền thuyết, cổ tích). | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Kể lại một truyền thuyết hoặc truyện cổ tích. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ (%)** | | | **20** | | **40** | | **30** | | **10** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện dân gian (truyện cổ tích/truyện truyền thuyết,...) | **Nhận biết:**  - Nhận biết được thể loại của văn bản.  - Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba.  - Nhận biết được chi tiết tiêu biểu trong văn bản.  - Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản  - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm, các thành phần của câu trong văn bản.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua ngoại hình, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.  - Hiểu và lí giải được ý nghĩa của một số chi tiết tiêu biểu trong văn bản.  - Nêu được chủ đề của văn bản.  - Xác định được nghĩa thành ngữ thông dụng, yếu tố Hán Việt thông dụng; các biện pháp tu từ (ẩn dụ, hoán dụ), công dụng của dấu chấm phẩy, dấu ngoặc kép được sử dụng trong văn bản.  **Vận dụng**:  - Trình bày được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử từ văn bản gợi ra.  - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị tư tưởng, nghệ thuật của một số chi tiết trong văn bản. | **3 TN** | **5TN** | **2TL** |  |
| **2** | **Viết** |  | **Nhận biết:** Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn bản, về yêu cầu của bài văn kể chuyện ở ngôi kể thứ ba.  **Thông hiểu:** Viết đúng về nội dung, về hình thức (từ ngữ, diễn đạt, bố cục văn bản).  **Vận dụng:** Viết được bài văn tự sự kể lại một truyền thuyết mà em yêu thích bằng lời văn của em; nêu được cảm xúc, suy nghĩ của bản thân về câu chuyện.  **Vận dụng cao:** Có sự sáng tạo về cách kể chuyện, dùng từ, diễn đạt,... |  |  |  | **1TL\*** |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**Môn Ngữ văn lớp 6**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU: (6,0 điểm)**

**Đọc đoạn trích sau:**

*Tự nhiên ở trên không, có một đàn chim sẻ đáp xuống sân nhặt thóc ra một đằng, gạo ra một nẻo. Chúng nó lăng xăng ríu rít chỉ trong một lát đã làm xong, không suy suyển một hạt. Nhưng khi chim sẻ đã bay đi rồi, Tấm lại nức nở khóc. Bụt lại hỏi:*

*- Con làm sao còn khóc nữa?*

*- Con rách rưới quá, người ta không cho con vào xem hội.*

*- Con hãy đào những cái lọ xương bống đã chôn ngày trước lên thì sẽ có đủ mọi thứ cho con trẩy hội.*

*Tấm vâng lời, đi đào các lọ lên. Đào lọ thứ nhất, lấy ra được một bộ áo mớ ba, một cái xống lụa, một cái yếm lụa điều và một cái khăn nhiễu. Đào lọ thứ hai, lấy ra được một đôi giày thêu, đi vừa như in. Lọ thứ ba đào lên thì thấy một con ngựa bé tí, nhưng vừa đặt con ngựa xuống đất, bỗng chốc nó đã hí vang lên và biến thành ngựa thật. Đào đến lọ cuối cùng thì lấy ra được một bộ yên cương xinh xắn. Tấm mừng quá vội tắm rửa rồi thay bộ vào, đoạn cưỡi lên ngựa mà đi. Ngựa phóng một chốc đã đến kinh đô. Nhưng khi phóng qua một chỗ lội, Tấm đánh rơi một chiếc giày xuống nước không kịp nhặt. Khi ngựa dừng lại ở đám hội, Tấm lấy khăn gói chiếc giày còn lại rồi chen vào biển người.*

(Nguyễn Đồng Chi, *Tấm Cám*, trích *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, tập 2, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2000, tr. 1170)

**Thực hiện các yêu cầu:**

Khoanh tròn vào chữ cái trước phương án trả lời đúng nhất cho các câu hỏi từ **Câu 1** đến **Câu 8:**

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên là gì?

A. Biểu cảm. B. Miêu tả . **C. Tự sự.** D. Nghị luận.

**Câu 2**. Đoạn trích trên được kể bằng lời của ai?

A. Lời của nhân vật Cám. **B. Lời của người kể chuyện.**

C. Lời của nhân vật Tấm. D. Lời của ông Bụt.

**Câu 3.** Trong các từ dưới đây, từ nào **không phải** là từ láy?

A. xinh xắn. B. rách rưới. C. nức nở. **D. mơ mộng.**

**Câu 4.** Cụm từ gạch chân trong câu: “*Tấm* ***mừng quá*** *vội tắm rửa rồi thay bộ vào, đoạn cưỡi lên ngựa mà đi.”* thuộc loại cụm từ gì?

A. Cụm danh từ.  **B. Cụm động từ.** C. Cụm tính từ. D. Cụm từ cố định.

**Câu 5.** Trong các cụm từ sau, đâu là cụm danh từ?

A. lại nức nở khóc. B. đã hí vang lên.

**C. một con ngựa bé tí.** D. chen vào biển người.

**Câu 6.** Từ “*suy suyển”* trong câu văn: *“Chúng nó lăng xăng ríu rít chỉ trong một lát đã làm xong, không suy suyển một hạt.”* nghĩa là gì?

**A. Mất đi.** B. Hỏng đi. C. Xấu đi D. Dịch chuyển đi

**Câu 7.** Nhân vật ông Bụt trong đoạn trích trên tượng trưng cho điều gì?

A. Là những người hiền lành, tốt bụng, hay giúp đỡ người khác.

B. Là người có tài năng, thường xuất hiện để cứu giúp người gặp nạn.

C. Là người có phép thuật, thường xuất hiện để trừng trị những kẻ gian ác.

**D. Là hiện thân của thần linh, giúp nhân dân thực hiện ước mơ về hạnh phúc.**

**Câu 8.** Chi tiết nào sau đây **không phải** là chi tiết kì ảo có trong đoạn trích trên?

A. Sự xuất hiện của ông Bụt giúp Tấm có quần áo đi trẩy hội

B. Đàn chim sẻ biết giúp Tấm nhặt thóc ra một đằng, gạo ra một nẻo.

**C. Tấm đánh rơi một chiếc giày xuống nước khi ngựa phóng qua một chỗ lội.**

D. Khi đào những chiếc lọ chôn xương bống lên, Tấm có váy áo, giày, ngựa, yên cương.

**Câu 9 (1,0 điểm).** Em hãy nêu vai trò, ý nghĩa của những chi tiết kì ảo có trong đoạn trích trên?

**Câu 10** **(1,0 điểm).** Theo em, qua đoạn trích trên, tác giả dân gian muốn gửi tới người đọc thông điệp gì?

**II. VIẾT: (4,0 điểm)**

Kể lại một truyền thuyết mà em yêu thích bằng lời văn của em.

------------------------- Hết -------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 6**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU:** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | B | 0,5 |
| **3** | D | 0,5 |
| **4** | B | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | A | 0,5 |
| **7** | D | 0,5 |
| **8** | C | 0,5 |
|  | **9** | - HS có thể nêu được một số vai trò, ý nghĩa những chi tiết kỳ ảo trong đoạn trích truyện như:  + Làm cho câu chuyện trở nên hấp dẫn hơn.  + Góp phần vào việc giải quyết những mâu thuẫn, xung đột trong truyện.  + Thể hiện ước mơ, khát khao về lẽ công bằng, về hạnh phúc của nhân dân. | 1,0  0,25  0,25  0,5 |
|  | **10** | - HS có thể nêu được thông điệp mà tác giả dân gian gửi đến bạn đọc qua đoạn trích như:  + Hãy ăn ở hiền lành, chăm chỉ, nhân hậu, tốt bụng thì sẽ được đền đáp xứng đáng: “ở hiền gặp lành”.  + Trong cuộc sống, rất cần có bạn bè, đồng đội. Họ có vai trò rất quan trọng bởi trong một số hoàn cảnh, ta rất cần sự giúp đỡ của họ. | 1,0  0,5  0,5 |
| **II** |  | **VIẾT:** | **4,0** |
|  | *a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự.* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề.*  Kể lại một truyền thuyết mà em yêu thích bằng lời văn của em. | 0,25 |
|  | *c. Kể lại truyền thuyết:*  HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: | 0,5 |
|  | - Sử dụng ngôi kể thứ ba.  - Giới thiệu được truyền thuyết mà em định kể.  - Kể đúng và đầy đủ các sự việc chính trong truyện: bắt đầu - diễn biến - kết thúc.  **- Kể lại chi tiết câu chuyện theo một trình tự hợp lí:**  **+ Sự việc mở đầu.**  **+ Sự việc phát triển.**  **+ Sự việc cao trào.**  **+ Sự việc kết thúc.**  - Cảm nghĩ về câu chuyện. | 2,5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp:*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo:  Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo. | 0,25 |